

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 101/2004/QĐ-BTC ngày 24/12/2004 quy định mức thu và việc quản lý, sử dụng phí tham quan Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”;

Sau khi có ý kiến của Bộ Văn hóa - Thông tin (tại Công văn số 3292/VHTT-KHTC ngày 10/9/2004 và Công văn số 4370/VHTT-KHTC ngày 24/11/2004);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức, cá nhân tham quan Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam phải nộp phí tham quan (áp dụng thống nhất đối với người Việt Nam và người nước ngoài đến tham quan) theo mức thu quy định, như sau:

1. Đối với người lớn 20.000 (hai mươi nghìn) đồng/lượt/người.

2. Đối với học sinh, sinh viên các trường văn hóa nghệ thuật ở Việt Nam, trẻ em: 7.000 (bảy nghìn) đồng/lượt/người. Trong đó:

a) Trẻ em là người dưới mười sáu tuổi. Trường hợp khó xác định là người dưới mười sáu tuổi thì chỉ cần có bất kỳ giấy tờ nào chứng minh được là người dưới mười sáu tuổi như: giấy khai sinh, thẻ học sinh...;

b) Học sinh, sinh viên các trường văn hóa nghệ thuật ở Việt Nam là người có thẻ học sinh, sinh viên do các trường văn hóa nghệ thuật ở Việt Nam cấp.

3. Đối với các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa” được giảm 50% mức thu quy định tương ứng tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 2. Tiền thu phí tham quan Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam quy định tại Quyết định này là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

1. Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam (đơn vị thu phí) được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc quản lý và thu phí theo nội dung chi cụ thể sau đây:

a) Chi trả các khoản tiền lương hoặc tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo tiền lương, tiền công, theo

chế độ hiện hành cho lao động trực tiếp thu phí, lệ phí (không bao gồm chi phí tiền lương cho cán bộ công chức đã được hưởng tiền lương theo chế độ quy định);

b) Chi phí trực tiếp phục vụ cho việc thu phí, lệ phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, điện thoại, điện, nước, công tác phí, công vụ phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

c) Chi hỗ trợ sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho công tác thu phí, lệ phí;

d) Chi in ấn tài liệu 4 mẫu giới thiệu về bảo tàng, sơ đồ hệ thống trưng bày bảo tàng, vé vào cửa để lưu niệm và chi mua sắm vật tư, nguyên liệu, các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc thu phí, lệ phí;

đ) Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thu phí, lệ phí trong đơn vị. Mức trích lập 2 (hai) quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi, bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay cao hơn năm trước và bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay thấp hơn hoặc bằng năm trước.

2. Đơn vị thu phí có trách nhiệm kê khai, nộp và quyết toán 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các vấn đề khác liên quan đến

việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí, chứng từ thu phí,... không đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 5. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp phí, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Trương Chí Trung

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG**

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường số
35/2004/QĐ-BTNMT ngày
20/12/2004 về việc đổi tên
Trường Trung học Địa chính
Trung ương II thành Trường
Trung học Tài nguyên và Môi
trường Trung ương.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP
ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính*